

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82 /2018/HNGĐ - ST

Ngày: 04-5-2018

V/v Tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Nhân

2. Bà Đoàn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thế Vinh— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản

khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Tuyết H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Đặng Thị Tuyết H và anh Trần Văn M cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 31/01/2018 nguyên đơn là chị Đặng Thị Tuyết H trình bày:

Do mai mối nên chị H anh Trần Văn M kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Về con chung: có 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015, hiện cả 02 con chung đang ở cùng tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M.

Chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn M trình bày:

Anh M thừa nhận quá trình hôn nhân như lời trình bày của chị H là đúng.

Về con chung: có 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015, hiện cả 02 con chung đang ở cùng chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh M cũng đồng ý ly hôn với chị H

Anh M yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011. Đồng ý giao con chung là cháu Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015 cho chị H nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ để chấp nhận, do anh Trần Văn M cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các bên; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa, chị H yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015, mỗi đứa 750.000đ/tháng. Do anh M cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi đứa 750.000đ/tháng. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung này của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không tranh chấp hay có ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại phiên Tòa nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất đồng ý ly hôn. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nuôi con chung: theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015 hiện đang ở cùng với nguyên đơn. Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi hết 02 con chung.

Riêng bị đơn yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011. Đồng ý giao con chung là cháu Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng

Xét thấy, 02 con chung đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung. Cho nên, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015 của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015, mỗi đứa 750.000đ/tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, tại phiên Tòa, nguyên đơn cũng thừa nhận, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ và cũng tự nguyện cấp dưỡng mỗi đứa 750.000đ/tháng. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung này của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Tuyết H và anh Trần Văn M.

[2] Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015 cho chị Đặng Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên là Trần Hoàng M, sinh ngày 28/8/2011 và Trần Thúy Q, sinh ngày 11/4/2015. Một (01) con chung một tháng 750.000đ. Thực hiện từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M và cháu Q trưởng thành (tròn 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Đặng Thị Tuyết H và anh Trần Văn M xác định không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại, đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Chị Đặng Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08161 ngày 31/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Anh Trần Văn M phải chịu **300.000đ (ba trăm ngàn đồng)** án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai, chị Đặng Thị Tuyết H và anh Trần Văn M có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp

cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)